TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TRẦN VĂN THỜI** **TỈNH CÀ MAU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 264/2024/HNGĐ-ST
Ngày 24-6-2024
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẦN VĂN THỜI, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ toạ phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Hợp.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Kim Lên;

2. Ông Nguyễn Vũ Bằng.

- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Nguyễn Cẩm Hường – Thư ký tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời.

Ngày 24 tháng 6 năm 2024 tại Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 308/2024/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 5 năm 2024, về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 241/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 30 tháng 5 năm 2024, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Chị Phạm Thị L, sinh năm 1984; địa chỉ: Ấp D, xã K, huyện T, tỉnh Cà Mau. Chổ ở: Ấp R, xã K, huyện T, tỉnh Cà Mau; có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt.

- *Bị đơn*: Anh Huỳnh Công T, sinh năm 1982; địa chỉ: Ấp D, xã K, huyện T, tỉnh Cà Mau; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Đơn khởi kiện và các tài liệu trong quá trình tố tụng, chị Nguyễn Thị D bày:

Về hôn nhân: Chị và anh H sống chung năm năm 2015, hôn nhân tự nguyện, có tổ chức hôn lễ, có đăng ký kết hôn tại tại Ủy ban nhân dân xã Q, huyện C, tỉnh Bến Tre theo quy định pháp luật, hiện vợ chồng chị đã ly thân nhau. Xét thấy cuộc sống chung không còn tình cảm, mục đích hôn nhân không đạt được, mâu thuẫn thường xuyên xảy ra và không hàn gắn được nên chị yêu cầu ly hôn với anh H.

Về con chung: Có 02 người con chung Ngô Thị Thanh T1, sinh ngày 19/8/2016 và Ngô Thị Ngọc T2, sinh ngày 10/01/2020 hiện đang sống cùng với chị, chị yêu cầu trực tiếp nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Chị xác định tự thỏa thuận với anh H, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Chị xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình Tòa án thụ lý giải quyết vụ án đã tống đạt các văn bản tố tụng cho bị đơn Ngô Hoàng H1 đúng theo quy định pháp luật nhưng anh H1 không có văn bản thể hiện ý kiến của mình đối với yêu cầu của nguyên đơn và cũng không cung cấp tài liệu, chứng cứ cho Tòa án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Bị đơn anh Ngô Hoàng H1 có nơi cư trú tại ấp K, thị trấn S, huyện T, tỉnh Cà Mau nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Chị D khởi kiện yêu cầu ly hôn với anh H1, yêu cầu trực tiếp nuôi dưỡng con chung nên quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án được xác định là ly hôn, tranh chấp về nuôi con theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Chị D có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt, anh H1 đã được tòa án triệu tập xét xử hợp lệ những vẫn vắng mặt không có lý do, căn cứ theo Điều 227, Điều 228, Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Tòa án xét xử vắng mặt chị D, anh H1 theo quy định của pháp luật.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Anh chị tự nguyện xác lập quan hệ hôn nhân, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Q, huyện C, tỉnh Bến Tre vào năm 2016 đúng theo quy định tại Điều 9 của Luật hôn nhân và gia đình. Vì vậy, quan hệ hôn nhân giữa anh chị được pháp luật công nhận là hôn nhân hợp pháp.

Xét nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng là do bất đồng quan điểm, thường xuyên cự cãi, gia đình hai bên có hàn gắn nhưng không thành, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, hiện anh chị đã ly thân nhau. Chị D xác định không còn tình cảm vợ chồng với anh H1 và thể hiện sự quyết tâm mong muốn được ly hôn. Trường hợp nếu cho các bên tiếp tục chung sống sẽ không mang lại hạnh phúc, do đó Hội đồng xét xử cần chấp nhận yêu cầu của chị D được ly hôn với anh H1.

[3] Về con chung: Anh chị có hai người con chung Ngô Thị Thanh T1, sinh ngày 19/8/2016 và Ngô Thị Ngọc T2, sinh ngày 10/01/2020. Các cháu hiện đang sống cùng chị D và chị yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung. Xét thấy, việc giao con cho người nào trực tiếp nuôi dưỡng cần căn cứ vào điều kiện cụ thể của các bên và cần duy trì sự ổn định trong cuộc sống vốn có của các cháu, các cháu hiện sống cùng với chị D, chị là người trực tiếp chăm sốc các cháu, nên cần duy trì sự ổn

định cuộc sống vốn có đối với các cháu là cần thiết. Tòa án đã tống đạt văn bản tố tụng hợp lệ cho anh H1 nhưng anh vẫn vắng mặt không tham dự hòa giải và xét xử tại tòa cũng như không gửi ý kiến trình bày đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Đo đó, Hội đồng xét xử quyết định giao cháu Thanh T1 và Ngọc T2 cho chị D trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với kiện cụ thể các bên, đúng với quy định của pháp luật.

[4] Về vấn đề cấp dưỡng nuôi con: Chị D xác định không yêu cầu anh H1 cấp dưỡng nuôi con chung, đây là ý chí tự nguyện của chị D nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Về tài sản chung: Chị D xác định tự thỏa thuận với anh H1, không yêu cầu tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về nợ chung: Chị D xác định không có, không yêu cầu tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, buộc chị D phải chịu án phí sơ thẩm về hôn nhân và gia đình, anh H1 không phải chịu án phí.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 và khoản 3 Điều 68, khoản 4 Điều 147, khoản 1 và khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 235, Điều 238, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Khoản 1 Điều 9, Điều 53, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Nguyễn Thị D với anh Ngô Hoàng H1.

2. Về con chung: Giao con chung Ngô Thị Thanh T1, sinh ngày 19/8/2016 và Ngô Thị Ngọc T2, sinh ngày 10/01/2020 cho chị Nguyễn Thị D trực tiếp nuôi dưỡng. Anh Ngô Hoàng H1 không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con chung không ai được cản trở. Anh Ngô Hoàng H1 không phải cấp dưỡng nuôi con.

3. Về án phí: Chị Nguyễn Thị D phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình, chị có nộp 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0004848 ngày 19 tháng 5 năm 2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau được chuyển thu.

Các đương sự được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tống đạt hợp pháp.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau;
- Viện kiểm sát nhân dân H. Trần Văn Thời;
- Chi cục THADS H. Trần Văn Thời;
- UBND xã Quới Sơn, huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Văn Hợp